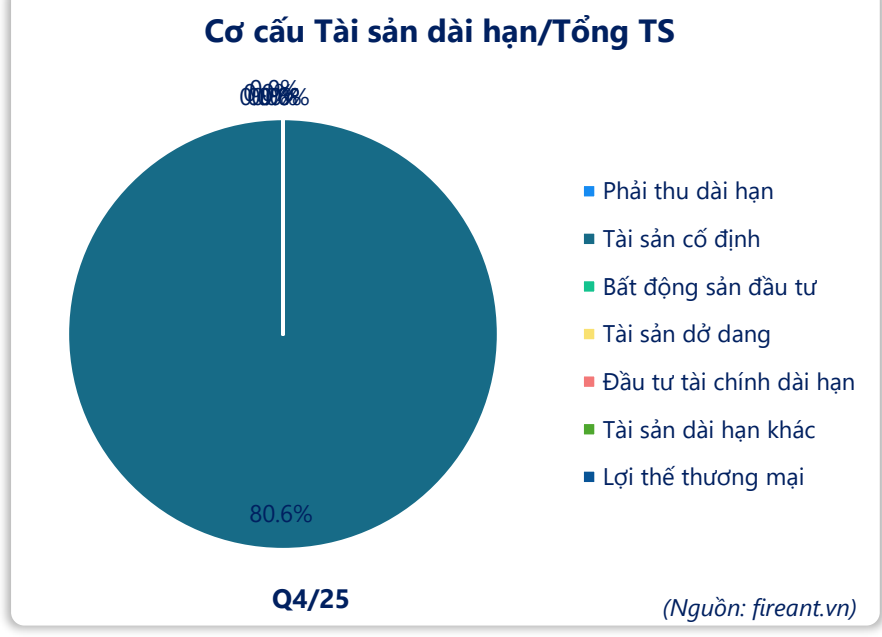
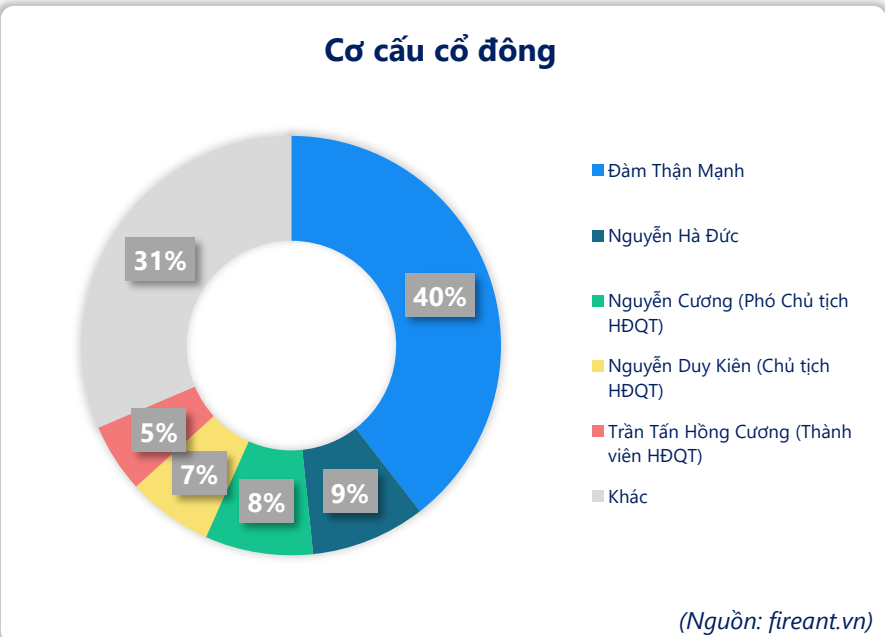
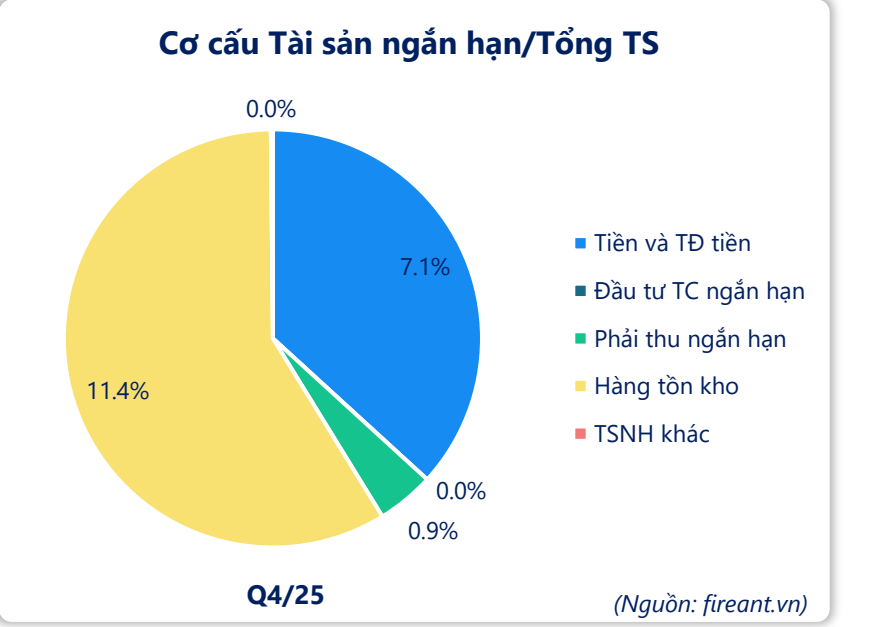
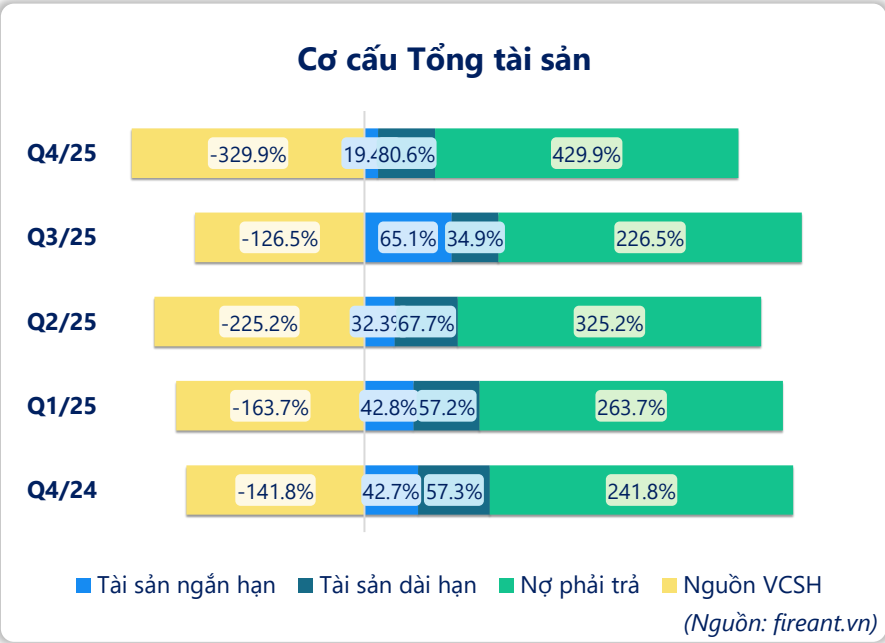
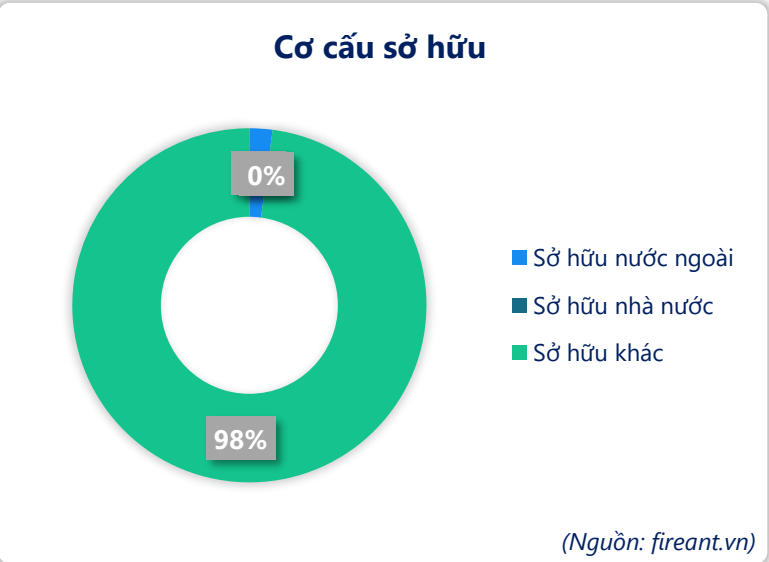
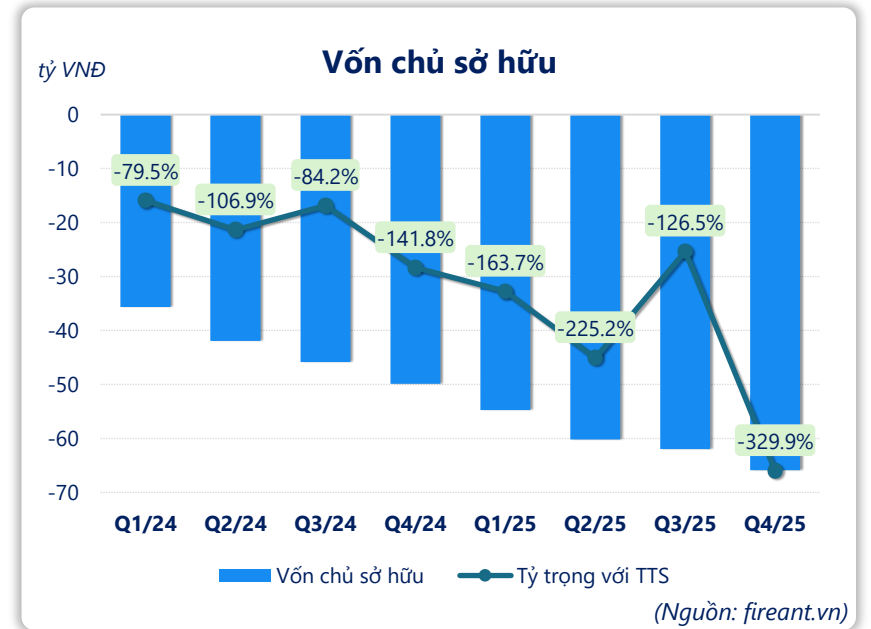
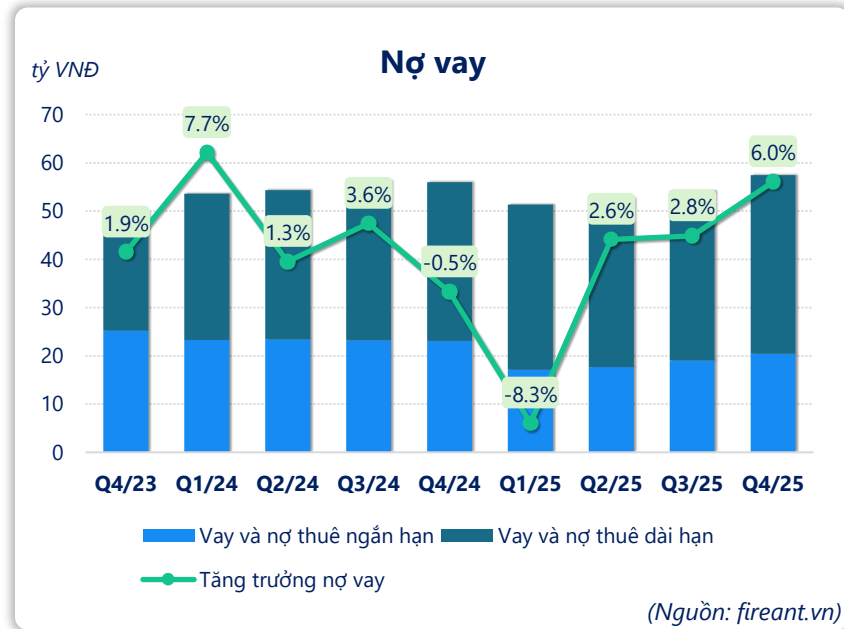
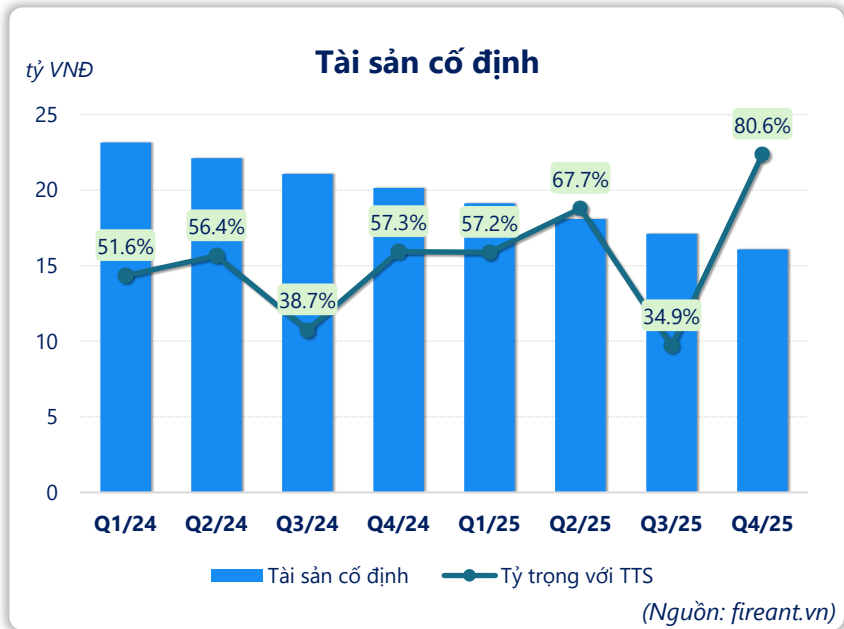
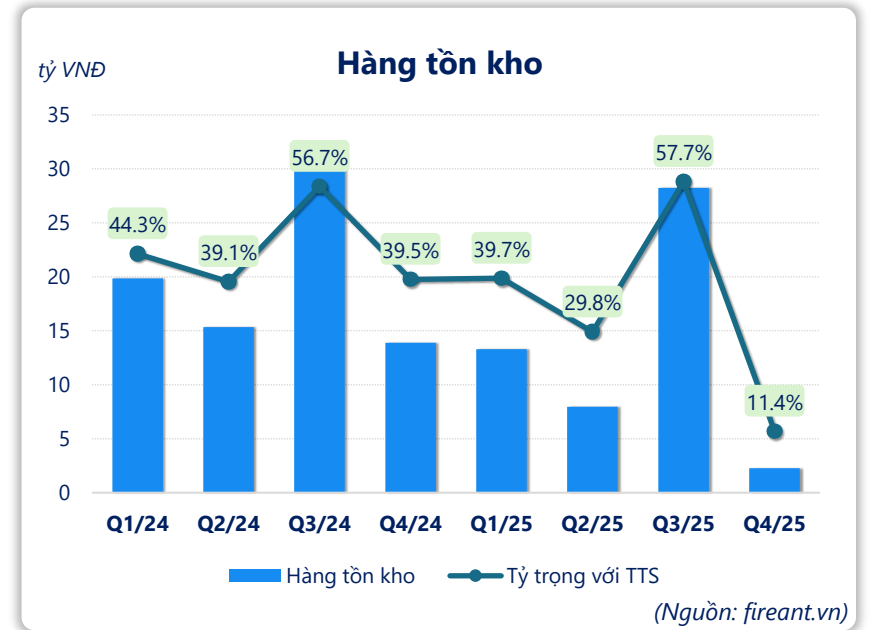
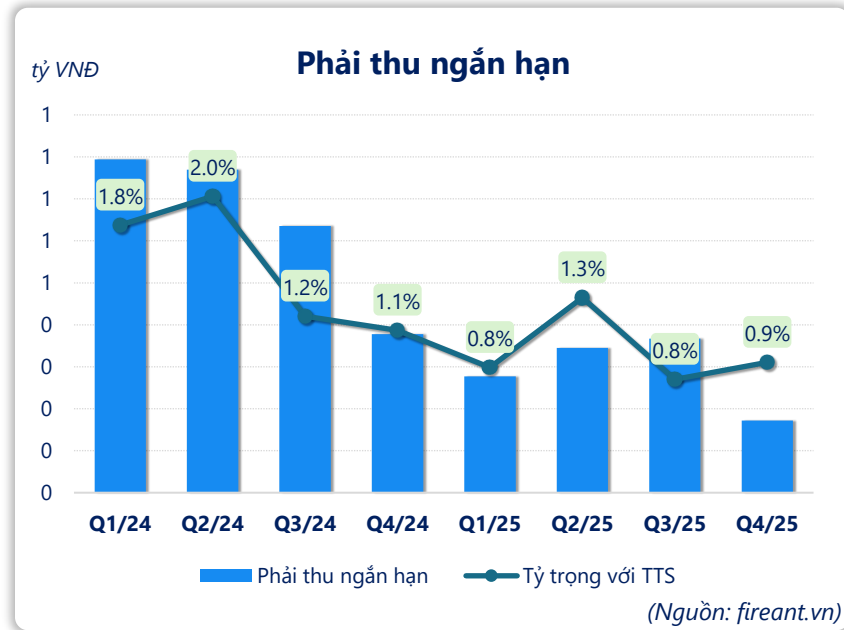
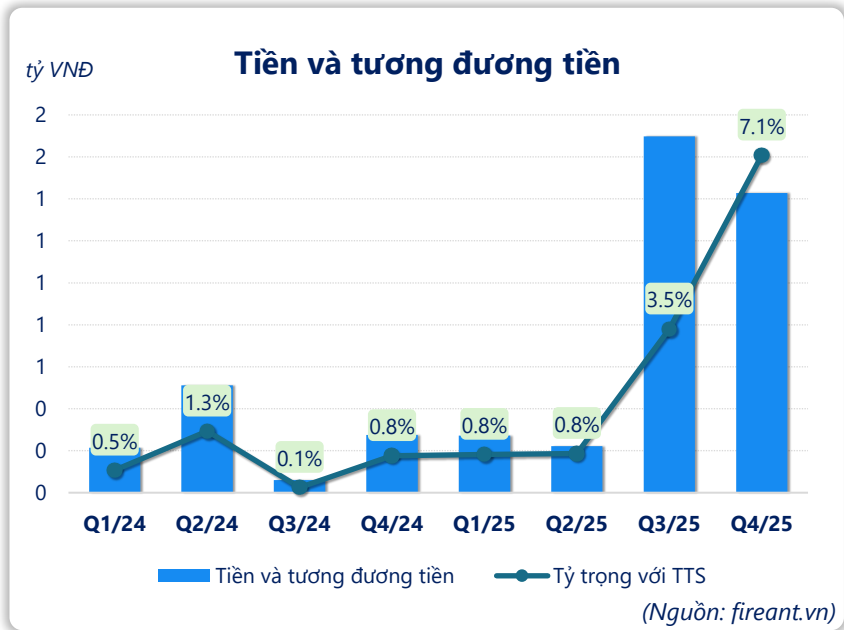
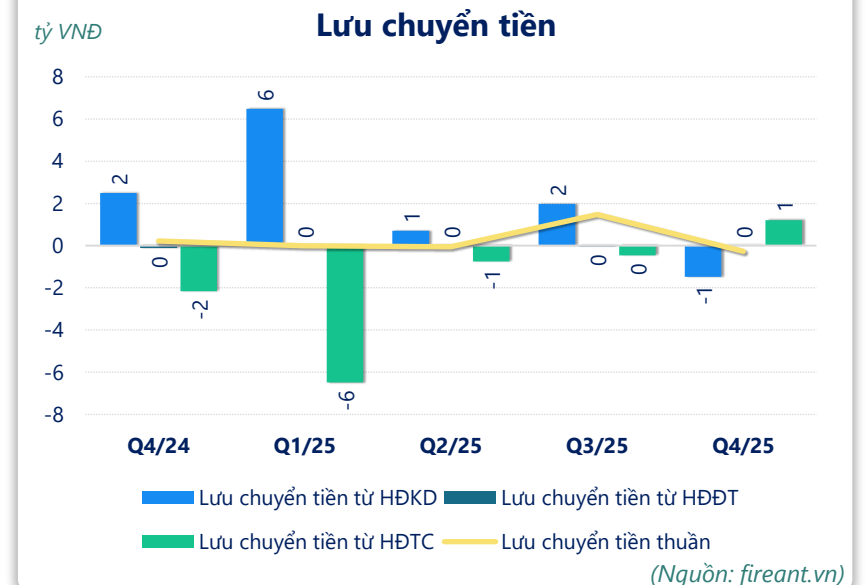
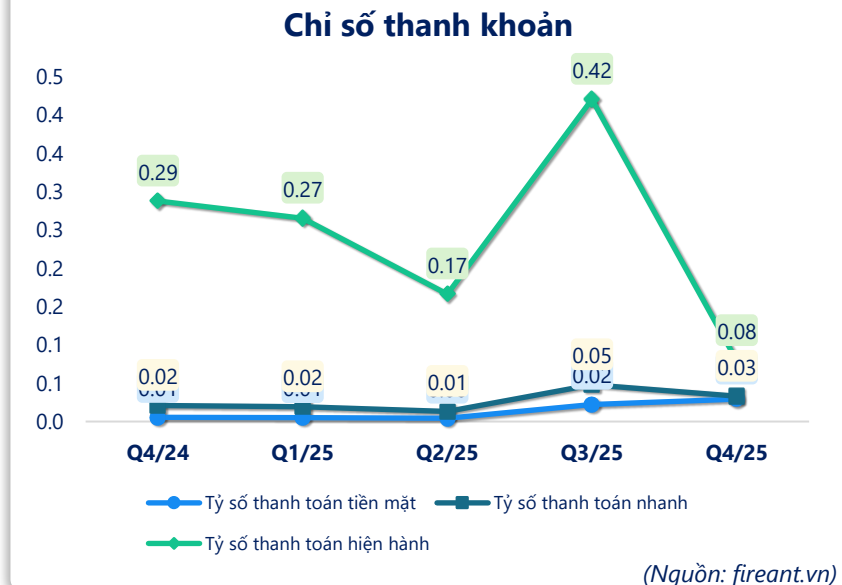
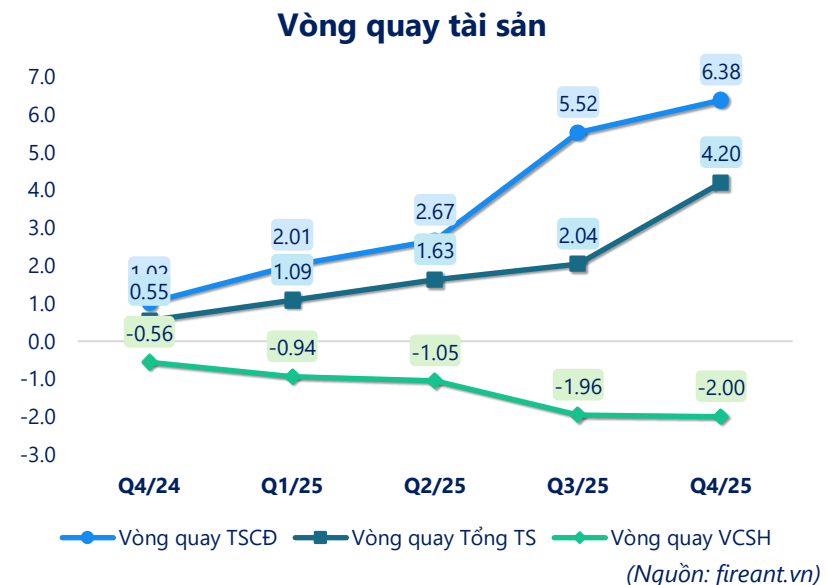
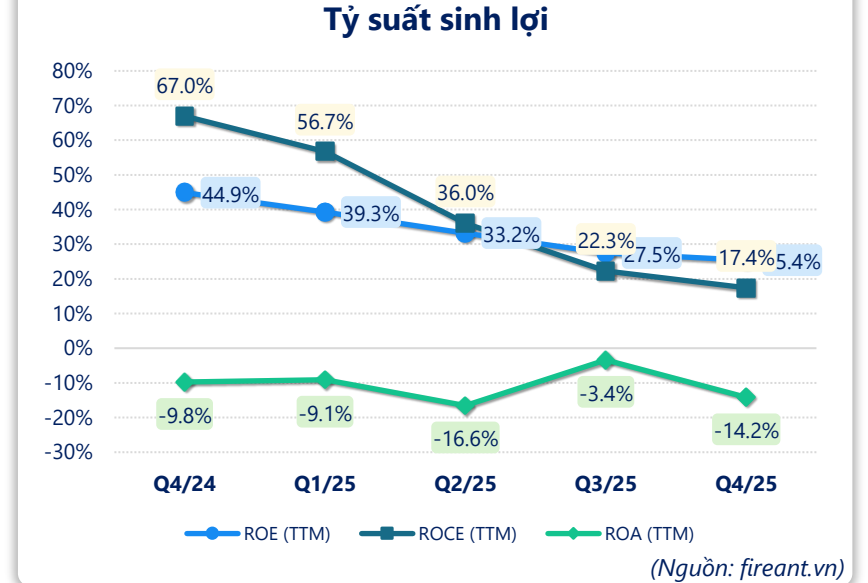
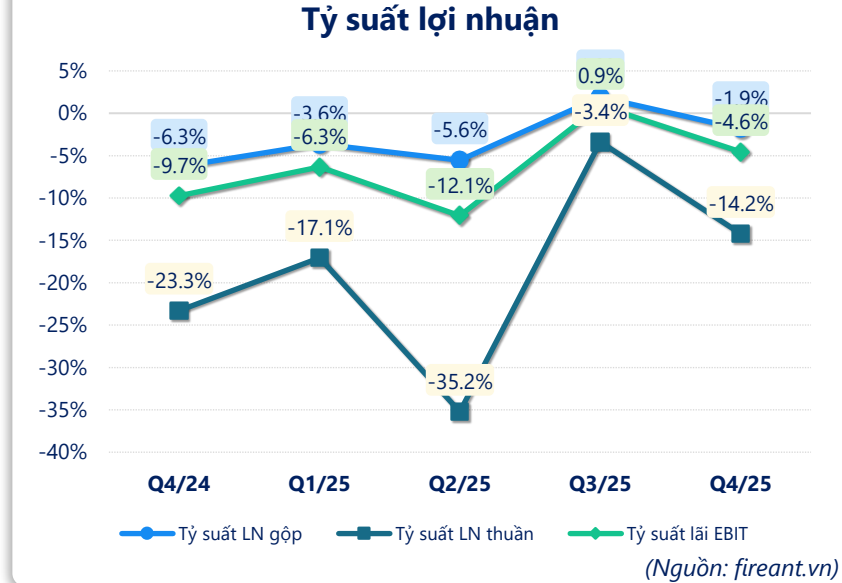
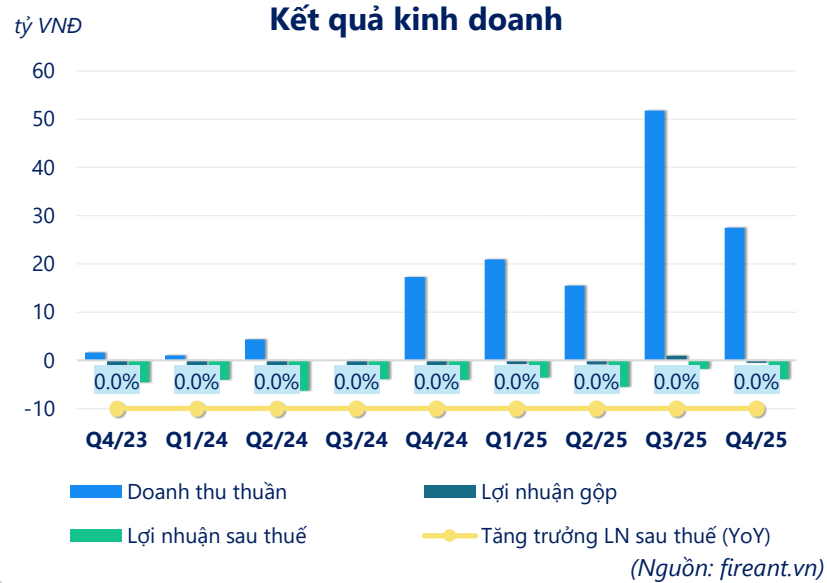


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		29,388,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,295
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		100
P/E		-6.8
EPS		-500

	YTD	1T	3T	6T
GGG	78.9%	-2.9%	-29.2%	-26.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	20.0	33.8	-40.9%
Tài sản ngắn hạn	3.88	13.7	-71.6%
Tiền và tương đương tiền	1.43	0.28	418%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.17	0.38	-54.5%
Hàng tồn kho	2.27	12.6	-81.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.44	-98.6%
Tài sản dài hạn	16.1	20.2	-20.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	16.1	20.2	-20.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	85.8	85.0	1.0%
Nợ ngắn hạn	48.8	52.1	-6.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.4	23.1	-11.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.20	3.24	-32.2%
Nợ dài hạn	37.0	32.9	12.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	37.0	32.9	12.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-65.9	-51.2	-28.7%
Vốn chủ sở hữu	-65.9	-51.2	-28.7%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	17.3	20.9	15.5	51.8	27.5
Giá vốn hàng bán	18.4	21.7	16.4	50.8	28.0
Lợi nhuận gộp	-1.09	-0.76	-0.86	0.98	-0.51
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	2.40	2.28	3.73	2.21	2.73
Chi phí lãi vay	2.34	2.25	3.58	2.21	2.66
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.05	0.10	0.17	0.06	0.06
Chi phí QLDN	0.49	0.43	0.70	0.47	0.62
LN thuần từ HĐKD	-4.02	-3.57	-5.46	-1.75	-3.91
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	-4.02	-3.57	-5.46	-1.75	-3.91
Lợi nhuận sau thuế	-4.02	-3.57	-5.46	-1.75	-3.91
LNST của CĐ cty mẹ	-4.02	-3.57	-5.46	-1.75	-3.91

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.49	6.48	0.70	1.99	-1.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.12	0.00	0.00	-0.04	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.16	-6.48	-0.75	-0.47	1.20
Tiền đầu kỳ	0.06	0.28	0.27	0.22	1.70
Lưu chuyển tiền thuần	0.21	0.00	-0.05	1.47	-0.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.28	0.27	0.22	1.70	1.43

(Nguồn: fireant.vn)